

**H**oàng Lan Tường (Huang Lan Shiang) là một chuyên gia về kiến trúc cổ Châu Á. Ông đã từng tốt nghiệp chương trình Tiến sĩ về lịch sử kiến trúc tại Đại học Tokyo, Nhật Bản. Từ năm 1996 đến nay, Hoàng Lan Tường đã nhiều lần sang Việt Nam, ông đặc biệt chú tâm đến kiến trúc truyền thống Huế.

Chúng ta có thể xem đây là một ý kiến tương đối khách quan của một chuyên gia về quy hoạch và kiến trúc đô thị Huế thế kỷ XIX trong mỗi giao lưu và sự ảnh hưởng với văn hoá Trung Hoa.

Tham luận của ông khá dài, ngoài phần tóm tắt, nội dung chính gồm 7 phần: 1. Lời mở đầu; 2. Lược sử triều Nguyễn; 3. Cách phối trí Hoàng thành nằm ở trung tâm thiên về phía Nam; 4. Xây dựng tường thành quân sự kiểu lăng bảo (Vauban); 5. Cách bố trí kinh thành nặng về việc coi trọng thờ cúng tổ tiên; 6. Sự kế thừa và biến đổi cách phối trí đô thành Trung Quốc; và phần 7. Kết luận. Chúng tôi xin trích đăng các chương IV, V, VI, theo bản dịch của Phan Thanh Hải (được chuyển là các mục I, II, III) -

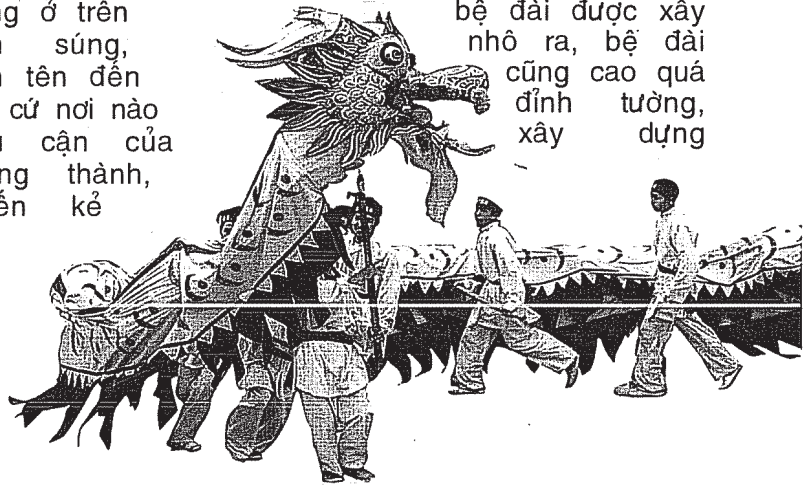
Ban Biên tập Tạp chí Di sản Văn hoá mong đây chỉ là một phần tư liệu nhỏ gửi tới bạn đọc.

## SƠ KHẢO VỀ QUY HOẠCH QUỐC ĐÔ CỦA VIỆT NAM

### I. Xây dựng tường thành quân sự theo kiểu Lăng Bảo (VAUBAN).

Từ sơ đồ đính kèm trong Đại Nam nhất thống chí (1) có thể dễ dàng phát hiện kiểu tường thành của thành cổ Huế không giống với kiểu tường thành Trung Quốc. Điểm không giống nhau đó là không giống về hình thức mã diện (2) và Lăng Bảo, mặc dù vậy, về cơ năng, thì hai hình thức này có thể nói là giống nhau, đều là để binh sĩ bảo vệ thành có thể đứng ở trên bắn súng, bắn tên đến bất cứ nơi nào phụ cận của tường thành, khiến kẻ

lăng bảo nhô ra; các di tích thời Chiến Quốc và thời Tây Hán cũng đã có những đặc điểm tương tự. Xem ra niên đại xuất hiện mã diện của Trung Quốc đến sớm hơn nhiều so với thời gian vốn được hình dung (3). Nhưng Tiêu Mặc thì căn cứ vào cách sử dụng mã diện ở Tây Á hoặc Hy Lạp cổ đại (cũng rất sớm, chứng minh qua việc khai quật được một bức phù điêu "Công Thành Cơ" ở lưu vực Lương Hà, một hiện vật của thế kỷ IX trước Công Nguyên, trong đó có chạm mã diện, phần trên bệ đài được xây nhô ra, bệ đài cũng cao quá đỉnh tường, xây dựng



công kích thành không dễ dàng tiếp cận phía dưới thành, nhằm đạt được mục tiêu phòng ngừa giặc được cả 3 mặt.

Học giả Điền Trung Đạm chỉ ra rằng, tại di chỉ thành Cổ Ngụy, huyện Nhuế Thành, tỉnh Sơn Tây từ thời Đông Chu, ở mặt Đông Nam đã xuất hiện 3 hình

thêm tường trở, hình tượng đại khái giống với mã diện tại hầm thứ 257 của Đôn Hoàng) để cho rằng, không nên bài trừ khả năng giao lưu lẫn nhau của Đông - Tây phương cổ đại trên phương diện kỹ thuật chiến tranh (4).

Nhưng rất rõ ràng, hình thức lăng bảo của thành cổ Huế sau thế kỷ XIX, là kết

# HÀNH THỊ HUẾ, THỂ KỶ XIX

HOÀNG LAN TƯỜNG

quả của phương pháp phòng ngự chiến hào do người Pháp mang lại, chứ không phải là kết quả giao lưu kỹ thuật xây thành thời cổ của Đông - Tây phương. Nhưng đáng tiếc, người viết bài này trong cuộc điều tra thực địa vẫn không có cách nào biết tên cụ thể của những kỹ sư, người khởi công xây dựng thành cổ Huế cùng với quá trình xây thành cụ thể này. Tuy nhiên, trong *An Nam Sử*, tác giả Dương Quảng Hàm đã thuật lại một đoạn liên quan đến một giáo sĩ người Pháp là L'Evequed Adran như sau:

"Đáp lại lời khuyến cáo của giáo chủ (đa số là những binh



sĩ dũng cảm của hạm quân nước Pháp) vượt biển đến phối hợp, hỗ trợ giúp quốc vương Gia Chỉ (Nguyễn Phúc Ánh). Trong số đó có những nhân vật nổi tiếng như Olivier de puymanel, Dayot, Vannier, Chaigneau... Công việc của họ là xây dựng những thành lãng bảo, đóng thuyền và

lập đội quân đường biển. Đây thực sự là những công hiến rất lớn giúp Nguyễn Phúc Ánh có thể đánh thắng Tây Sơn".

Chính bản thân giáo chủ Adran cũng là một cố vấn thông minh, người bạn trung thực, đến chết cũng không đổi lòng của Nguyễn Phúc Ánh. Ông đã đưa ra nhiều ý kiến có lợi, đã áp dụng những kinh nghiệm để giúp đỡ Nguyễn Phúc Ánh, như tìm cách liên kết với các đại biểu quân chủ châu Âu hoặc ở khu vực Cực Đông bằng thư từ, hoặc phiên dịch những điều lệnh quân sự bằng tiếng Pháp thành tiếng An Nam... Chính vì vậy, có thể suy đoán rằng giáo chủ L'Evequed Adran và những người như Olivier de puymanel, Dayot, Vannier, Chaigneau chính là những người đưa ra kiểu tường thành lãng bảo.

Hơn nữa, trong luận văn Thạc sĩ của Đông Đại Điện Tỉnh Nhất, ngoài việc viện dẫn những tư liệu nói trên, còn đưa thêm 2 người nữa là De Forsan và Despiau. Tham khảo bài viết bằng tiếng Pháp của Nguyễn Vinh Long năm 1977, thấy còn có sự miêu tả về phương pháp xây dựng tường thành Hà Nội: "Họ đã áp dụng hình thức tường thành kiểu Vauban, kỹ sư quân sự nội tiếng của nước Pháp(5) để xây dựng tường thành Hà Nội, vì thế thành Hà Nội đã nảy sinh sự thay đổi rất lớn, quy mô cũng thu hẹp lại rất nhiều, thành Hà Nội biến thành một toà thành có hình gần như vuông, mỗi cạnh chỉ khoảng 1km"(6).

So sánh giữa sơ đồ thành Hà Nội và sơ đồ của Kinh thành Huế thì rõ ràng là cả hai đều dùng kiểu tường

thành công sự hình lãng bảo. Hơn nữa, tường thành kiểu lãng bảo ở Hà Nội là do Olivier de puymanel, Dayot, Vannier, Chaigneau... đã chỉ huy xây dựng, nên kiểu tường thành lãng bảo của Huế không có lý do gì không phải do họ đã quy hoạch kiến tạo.

Đối với Kinh thành Huế cùng 24 pháo đài hình lãng bảo của nó, sách *Đại Nam nhất thống chí*, đều có mô tả khá kỹ danh xưng, kích thước:

"Chu vi của Kinh thành là 2487 thước 3 thước 6 tấc (khoảng 10.447m), cao 1 trượng 5 thước 6 tấc (khoảng 6,5m), dày 5 trượng (khoảng 21m)" (7).

"11 cửa bằng gạch, phía trước gọi là Thể Nhân môn, Quảng Đức môn, Chính Nam môn, Đông Nam môn, phía tả gọi là Chính Đông môn, Đông Bắc môn, Trấn Bình môn; phía hữu gọi là Chính Tây môn, Tây Nam môn, phía sau gọi là Chính Bắc môn, Tây Bắc môn".

"Phía ngoài thành thị có hào nước, rộng 5 trượng 7 thước (khoảng 24m), sâu 1 trượng (khoảng 4,2m). Trước cửa thành có cầu đá bắc qua hào".

"Chính giữa mặt trước xây Kỳ Đài, bốn mặt phía trên thành thì có 24 pháo đài, phía trước gọi là Nam Minh, Nam Hưng, Nam Chính, Nam Xương, Nam Thắng, Nam Hanh. Phía tả gọi là Đông Thái, Đông Trường, Đông Gia, Đông Phụ, Đông Vĩnh, Đông Bình. Phía hữu gọi là Tây Thành, Tây Tuy, Tây Tĩnh, Tây Dực, Tây An, Tây Trinh. Phía sau gọi là Bắc Định, Bắc Như(8), Bắc Thuận, Bắc Trung, Bắc điện, Bắc Thanh".

Với những chi tiết cụ thể của tường thành lãng bảo



Huế, vì không có báo cáo nghiên cứu, đo vẽ thực tế nên cách làm chân thực của kiểu kiến trúc thành này vẫn chưa rõ ràng(9). Nhưng ở đây ta có thể thông qua tư liệu do Wolfgang Braunfels đã chỉnh lý có liên quan đến kiểu thành lăng bảo của thời đại Tây Âu Ba Lô Khắc, để tìm hiểu bối cảnh thời đại của kiểu kiến trúc thành này, một kiểu thành đã từng được áp dụng và lưu hành ở Châu Âu. Đây cũng là cơ sở để tìm hiểu về nguồn gốc thành trì kiểu lăng bảo của Việt Nam.

Ở Châu Âu, từ đầu thế kỷ XVI, chủ nghĩa quốc gia chuyên chế thống thế. Để phòng vệ biên giới trong tình trạng nguy hiểm và các lãnh thổ đã chinh phục được, giai cấp cầm quyền đã đồng loạt tiến hành xây dựng hệ thống bảo thành và thành trì đô thị theo cách phòng ngự. Trong thời kỳ mà quyền lực quân chủ là tối thượng, tức từ nửa sau thế kỷ XVIII trở về sau, thì con số bảo thành và thành trì đô thị đã tăng rất nhanh. Thực ra, việc sử dụng những thiết kế phòng vệ bằng thành vách cho các đô thị, nhằm phòng vệ lãnh thổ vốn là một quan điểm mang tính truyền thống từ Cổ đại, qua Cận đại đến tận ngày nay và hầu như không thay đổi. Vả lại, việc xây dựng loại đô thị lý tưởng này cũng diễn ra cùng với thời gian hưng thịnh của trào lưu xây dựng lại các thành trì đô thị. Từ giữa thế kỷ XV, các đề án quy hoạch đô thị mang tính tiêu biểu tương ứng với văn hoá Phục hưng đã xuất hiện, bắt đầu từ các đề án của Filarete đến Soforrzinda..., và hầu như chúng đều được dẫn lại trong sổ tay quân sự của

Sébastien Vauban (1633-1707).

Một số mặt bằng cơ bản của loại tường thành đô thị lý tưởng này phần lớn là hình tròn, chung quanh được bao bọc bởi các lăng bảo hình sao và Hộ thành hà. Cách phối trí này nổi bật ở đặc điểm: từ hạt nhân đô thành vòng tròn, nơi đóng của Bộ tư lệnh quân sự, sẽ có những con đường liên lạc ngắn nhất ra xung quanh. Cũng có thể nói, ý niệm quy hoạch theo thứ tự của các yêu cầu về quân sự đã quyết định cách quy hoạch, bố trí của thành trì trong thời kỳ này. Điều này không chỉ tạo ra vẻ mỹ quan của các đô thị mà còn có những hiệu quả trên thực tế rất lớn. Vả lại, ý niệm quy hoạch đô thị của bất cứ thời kỳ nào cũng chịu sự chi phối của tình hình chính trị của thời kỳ ấy, đặc biệt là đối với các hình thái đô thị thuần túy có ý nghĩa là nơi đồn trú quân sự hay mang tính phòng vệ(10)

Quay trở lại với việc thảo luận về đô thành Huế, thì đầu tiên có thể phát hiện là, 2 lớp tường thành vây quanh đô thị là Kinh sư thành và Hoàng thành có hình dạng

gần như hình vuông. Cấu trúc này không phù hợp với hình dạng tròn của kiểu đô thành lăng bảo nói chung; cũng có thể nói, Huế là sự hỗn hợp giữa hình thức tường thành kiểu lăng bảo và đô thành Trung Quốc. Ngoài ra, hình thức tường thành lăng bảo quân sự hoặc là đô thị có tường thành của Châu Âu, đều biểu hiện tính cách quân sự cực kỳ mạnh mẽ. Đương nhiên, kinh phí phòng vệ cần thiết ở Châu Âu là do dân cư theo dõi cung cấp, còn tường thành của Trung Quốc - thường là tường thành bao quanh bên ngoài đô thị - là dựa vào nông dân ở trong ngoài thành nạp thuế để duy trì. Về mặt này, Huế cũng có tính cách của đô thành Trung Quốc. Sở dĩ Huế chịu ảnh hưởng này, trên cơ bản, là do tiếp thu cách quy hoạch kiểu đô thị có tường thành lăng bảo với các pháo đài quân sự nhưng đã thu nhỏ đi rất nhiều. Vì vậy, về quy mô, nếu so sánh với Nguyên Đại Đô, Bắc Kinh Thành hoặc Bình Thành Kinh, Bình An Kinh của Nhật Bản thì vô cùng nhỏ bé(11).



Nhà Bia - Lăng Minh Mạng, Huế - Ảnh: ST

Ngoài ra, số cửa mở của thành cổ Huế, rõ ràng là cũng chịu ảnh hưởng kiểu thành trì hình lăng bảo. Nếu loại bỏ Trấn Bình môn của Trấn Bình Đài, thì phía Đông, Tây, Bắc của Huế đều có 2 cửa thành, phía Nam 4 cửa thành. Theo tập quán xưa của người Trung Quốc, nói chung số lẻ mới là số đẹp, rất ít dùng số chẵn, đặc biệt kỵ dùng con số "4"\*. Mặt khác, có lẽ người phương Tây không kỵ các số chẵn, nếu không tính các lăng bảo ở góc thì số lăng bảo của mỗi bên tường thành Huế là 5, vì thế nếu chọn cách mở cửa đối xứng, thì số cửa thành đương nhiên phải là 2 cửa hoặc 4 cửa.

Mặt khác, khi nói đến Trấn Bình Đài thì sách *Đại Nam nhất thống chí* có ghi lại một đoạn như sau:

"Phía Đông bắc ngoài cửa Trấn Bình lại xây thêm một lớp thành, gọi là Trấn Bình Đài, chu vi 246 trượng 7 thước (khoảng 1036m), cao 6 thước 7 tấc (khoảng 2,8m), dày 3 trượng 5 thước (khoảng 14,7m). Trên tường dựng 2 cột cờ, 3 pháo đài, 1 kho thuốc súng. Hào bao quanh rộng 7 trượng 5 tấc (khoảng 31,5m); thông với hào của Kinh thành".

Điểm nổi bật ở cơ cấu thành trì này là sự khác biệt hoàn toàn so với thành thị truyền thống của Trung Quốc, lại cũng rất xa lạ với các đô thị lăng bảo của Châu Âu; nó là một loại *thành quán* hoặc *nha thành* của thành chủ. Trong quy hoạch thành thị Trung Quốc, thường là căn cứ vào Hoàng thành và Cung thành nơi hoàng đế ở, để bố trí các công sảnh, phủ đạo, nha môn của đô phủ địa phương nằm ở vị trí trung

tâm bên ngoài thành, tạo nên hình thái phối trí tường thành 2 lớp hoặc 3 lớp. Nhưng cũng tại điểm này, Châu Âu lại thể hiện sự khác biệt: các thành trì thì quen bố trí độc lập, thành quán (nha thành) được tách hẳn ra. Thủ pháp này so với lối quy hoạch đô thị theo kiểu "Thành hạ đình" của Nhật Bản, [với cách phối trí thành chủ và các *thành quán* làm vệ tinh bên ngoài], như cách bố trí "Thiên Thủ Các", "bốn hoàn", "nhị hoàn", "tam hoàn", nói chung là tương tự.

Theo sơ đồ in kèm trong sách *An Nam sử* (hình 6) thì Trấn Bình Đài được gọi là *Mang Cá*. Không rõ ràng chức năng cụ thể của công trình này, nhưng từ khu vực cư trú lân cận của người Pháp mà nhận xét, thì điều này phải chăng có liên quan đến việc người Pháp cho rằng, *thành quán* có phải có giá trị quan không gian gắn liền với giai cấp quý tộc hoặc hoàng đế cư trú? Vấn đề này phải chờ thảo luận thêm. Ngoài ra, trong sơ đồ Kinh sư kèm theo trong sách *Đại Nam nhất thống chí* có chú thích: "... Nguyên là Thái Bình Đài, bây giờ là nơi quan binh ở". Theo tư liệu của phương Tây, từ năm 1347 đến năm 1558, thành phố Calais của nước Pháp luôn luôn bị nước Anh chi phối, nếu so sánh cách bố trí của thành phố này và *thành quán* bên ngoài (xem trên sơ đồ) thì có thể thấy rằng thành quán ở ven bờ biển là một Điều vọng đài mang tính quân sự. Còn từ sơ đồ, ta có thể thấy, góc phía đông bắc của thành cổ Huế là địa điểm gần với sông Hương nhất, nếu tính từ duyên hải đi ngược lên. Mặt khác, nó cũng nằm phía

trên điểm tương giao giữa nội thành Kinh sư và khu thương nghiệp bên ngoài phía đông bắc của Huế, nên nếu làm thành cứ điểm phòng vệ quân sự thì thích hợp nhất. Và đến nay Trấn Bình Đài vẫn do các đơn vị quân đội của Việt Nam đóng giữ. Ta có thể kết luận rằng, Trấn Bình Đài luôn luôn đóng vai trò là cứ điểm phòng vệ quân sự. Thành Kinh sư bản thân đã có tính cách phòng vệ quân sự (từ trong sơ đồ kèm theo của sách *Đại Nam nhất thống chí* cũng có thể quan sát được đặc điểm này), không những ở 4 chung quanh tường thành có xây 24 pháo đài mà song song với thành trì còn có bố trí các đơn vị quân đội.

Ngoài ra điểm đáng được nhắc đến là chính giữa mặt trước của thành Kinh sư có xây dựng Kỳ Đài. Trong kiến trúc truyền thống của Trung Quốc ta thường hay thấy ở mặt trước của những kiến trúc mang tính đơn lập như nha môn, miếu vũ, từ đường... đều có xây dựng cột cờ. Nhưng kiểu Kỳ Đài với quy mô như Huế thì không hề thấy trong cơ cấu truyền thống của đô thành Trung Quốc. Ở thành Hà Nội cũng có thể thấy Kỳ Đài có quy mô tương đương so với Huế. Loại Kỳ Đài này tương tự với hình thức Điều vọng đài quân sự của phương Tây, vậy nên loại Kỳ Đài này là sản phẩm từ ảnh hưởng của phương Tây. Theo ông Phan Thanh Hải, việc dựng cột cờ trước có thể thành Huế có thể bắt đầu từ sau năm 1558, khi Tiên chúa Nguyễn Hoàng vào trấn thủ đất Thuận Hoá. Nguyễn nhân dựng cột cờ có thể do 2 nhân tố dưới đây: một là, Nguyễn Hoàng,



theo tập quán Việt Nam, muốn dựng cờ nhằm biểu thị phạm vi quyền lực của mình; hai là, một nguyên nhân khác nữa mà tôi cũng nhất trí là, triều Nguyễn chịu ảnh hưởng của văn hoá phương Tây. Ngày nay, một số học giả Việt Nam thường lấy con số 3 tầng của Kỳ Đài Huế để giải thích cho ý nghĩa như đại diện của Tam tài, tức là Thiên-Địa-Nhân. Nhưng tôi vẫn cho rằng, khả năng chịu ảnh hưởng của phương Tây vẫn là chủ yếu.

### 1). Cách bài trí kinh thành thể hiện việc coi trọng thờ tổ tiên.

Thông thường trong lịch sử thành thị ở Trung Quốc, nội đền Tông miếu thờ cúng tổ tiên, nói chung là chỉ Thái Miếu trong nguyên tắc Tả tổ, hữu xã. Thái Miếu là miếu thờ thủy tổ của Thiên tử, Chư hầu - nó cùng dân Xã Tắc được bố trí đối xứng 2 bên tả - hữu, phía trước Cung thành. Như thời Kim Đại Đô, thì vị trí của chúng được đặt ở hai bên Thiên Bộ Lang, phía trước của Cung thành. Đến thời Nguyễn Đại Đô thì có đặc biệt hơn, bố trí ở hai bên đông và tây của Hoàng thành. Còn đến thời Minh - Thanh thì lại trở về với cách bố trí ở 2 bên phía trước của Cung thành.

Ở Huế, dường như cách bố trí Miếu-Đàn cũng tương tự như ở Bắc Kinh của thời Kim Trung Đô hay Đại Đô thời Nguyên. Vị trí Thái Miếu được đặt ở bên trong Hoàng thành, nằm ở bên tả, phía trước của Cung thành (tức là Cẩm Tử thành). Đàn Xã Tắc thì giống như Đại Đô thời Nguyên, nằm ở vị trí phía tây (bên hữu) ngoài Hoàng thành. Thái Miếu được bài trí về hướng Nam, còn đàn Xã Tắc lại quay về hướng Bắc. Hai công trình

này về thời gian khởi công xây dựng, trước sau chỉ cách nhau 2 năm. Nguyên nhân tại sao thì vẫn còn chưa rõ. Vậy, Thái Miếu ở Huế thờ những vị Tổ nào? trong Đại Nam nhất thống chí có ghi lại như sau:

"Thái Miếu, nằm bên tả điện Thái Hoà, ở trước Triệu Miếu, quay về hướng Nam; xây dựng năm Gia Long thứ 3 (1804). Dưới triều Thành Thái được trùng tu, Quy chế Miếu gồm: Chính doanh 13 gian, Tiền doanh 11 gian, Đông Tây hai chái; trùng lương trùng thiềm, có 9 gian thiết án thờ, trong thiết các khám thờ.

- Án chính trung thờ Thái Tổ gia Dụ hoàng đế và hoàng hậu.

- Hai bên tả, hữu mỗi bên có 4 thất bày các án sau:

+ Án tả nhất thờ Hiếu Văn hoàng đế và hoàng hậu.

+ Án hữu nhất thờ Hiếu Chiêu hoàng đế và hoàng hậu.

+ Án tả nhị thờ Hiếu Triết hoàng đế và hoàng hậu.

+ Án hữu nhị thờ Hiếu Nghĩa hoàng đế và hoàng hậu.

+ Án tả tam thờ Hiếu Minh hoàng đế và hoàng hậu.

+ Án hữu tam thờ Hiếu Ninh hoàng đế và hoàng hậu.

+ Án tả tứ thờ Hiếu Võ hoàng đế và hoàng hậu.

+ Án hữu tứ thờ Hiếu Định hoàng đế (Phúc Thuần, Định Vương, Duệ Tông).

"Mỗi năm cứ vào ngày sóc của 4 tháng Mạnh (tức mùng 1 của bốn tháng đầu các mùa trong năm) và vào ngày 22 tháng Chạp thì tổ chức kỵ hưởng.

Bên tả miếu có điện Long Đức (mỗi năm gặp ngày kỵ thì trần thiết lễ nghi ở án chính trung trong điện). Trước sân miếu, bên tả có

điện Chiêu Kinh (là nơi trần thiết lễ vật mỗi khi gặp ngày kỵ ở 4 án bên tả), bên hữu có điện Mục Tư (là nơi trần thiết lễ vật mỗi khi gặp ngày kỵ ở 4 án bên hữu).

Phía Bắc điện Mục Tư có nhà vuông (là nơi thờ Thổ Công). Xung quanh miếu có tường bao bọc, bốn mặt trở 4 cửa:

- Mặt tả có cửa Hiển Thừa.

- Mặt hữu có cửa Túc Tướng.

- Mặt sau bên tả có cửa Nguyên Chí.

- Mặt sau bên hữu có cửa Trường Hựu.

Chính giữa phía trước sân miếu có gác Tuy Thành, bên trái và bên phải gác đều có tường ngăn, bên tả gác có cửa Diên Hy, phía trên có làm lầu chuông, bên hữu gác có cửa Quang Hy, phía trên có làm lầu trống. Ở phía ngoài tường, bên tả có nhà Tả Vu, bên hữu có nhà Hữu Vu, đều làm nơi tổng tự các vị thân huân, công thần hồi Quốc sơ. Giữa bức tường phía Nam của miếu là Cửa Miếu, phía trước cửa hai bên trái, phải có 2 con sư tử đá.

Cần án: Gác Tuy Hác, tên cũ là gác Mục Thanh; năm Minh Mạng thứ 11 (1830) đổi tên, đến đời Thành Thái thì triệt bỏ. Điện Long Đức vốn là nhà tả phương đường; điện Chiêu Kinh và điện Mục Tư nguyên là 2 sở để tế thờ bên tả, hữu. Năm Minh Mạng thứ 13 (1832), đều mới đổi lại tên (tức là các tên như hiện nay). Năm Thành Thái thứ 12 (1900), cho trùng tu. Phía Đông của miếu còn có điện Canh Y, nhưng đến đời Thành Thái thì triệt bỏ "(12).

Cũng có thể nói rằng, các vị Tổ được thờ cúng ở Thái Miếu triều Nguyễn là 9 vị chúa, từ Nguyễn Hoàng, vị

chúa đầu tiên đến Huế, đến Hiếu Định hoàng đế (Nguyễn Phúc Thuận), người đã bị cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Nhạc Tây Sơn lật đổ và nhân cơ hội đó, họ Trịnh đánh chiếm mất phần phía Bắc vương quốc (tức Thuận Hoá). Còn đối với Tổ Nguyễn Kim (thân phụ Nguyễn Hoàng) thì đến thời vua Nguyễn Gia Long cho lập Triệu Miếu nằm ở chính giữa sau Thái Miếu để mà tế tự (13).

Kiến trúc Thái Miếu của Huế dường như cũng chịu ảnh hưởng của nguyên tắc kiến trúc "chiêu - mục" của Trung Quốc. Cũng kiểu bố trí như trên tôi đã dẫn: "*Ở phía trước sân miếu, bên tả có điện Chiêu Kính (là nơi trần thiết lễ vật mỗi khi gặp ngày kỵ ở 4 án bên tả), bên hữu có điện Mục Tư (là nơi trần thiết lễ vật mỗi khi gặp ngày kỵ ở 4 án bên hữu)... Điện Long Đức vốn là nhà tả phương đường; điện Chiêu Kính và điện Mục Tư nguyên là 2 sở để tế thờ bên tả, hữu...*". Cái gọi là nguyên tắc kiến trúc chiêu-mục, theo "Lễ Ký", phần "Vương Chế" ghi lại thì: "Thiên tử có 7 miếu, gồm 3 miếu Chiêu, 3 miếu Mục và miếu của Thái Tổ, tổng cộng là 7 miếu. Giả hậu có 5 miếu, gồm có 2 miếu Chiêu, 2 miếu Mục và miếu Thái tổ, cộng là 5 miếu. Đại phu có 3 miếu, 1 miếu Chiêu, 1 miếu Mục và miếu Đại tổ, cộng là 3 miếu. Kế sĩ có một miếu, còn thứ dân thì tế ở mộ". Còn ở trong "Lễ Ký", phần "Tế Pháp" có ghi lại để giải thích như sau: "Thị Cố, Vương Lập có 7 miếu, 1 đàn và thiện (14). Năm miếu chính là: Khảo Miếu, Vương Khảo Miếu, Hoàng Khảo Miếu, Hiến Khảo Miếu, Tổ Khảo Miếu,

hàng tháng đều có tế". Trong đó, Khảo Miếu là miếu của cha, Vương Khảo Miếu là miếu của Tổ, Hoàng Khảo Miếu là miếu của Tằng tổ, Hiến Khảo Miếu là miếu của Cao Tổ, Tổ Khảo Miếu là miếu của Thủy tổ. Nhưng điện Mục Tư và điện Chiêu Kính của Huế lại là 1 bộ phận của miếu thờ Tổ, không giống với quy chế tế thờ Phụ, Tổ, Tằng Tổ và Cao Tổ của Trung Quốc. Vậy thì các vị hoàng đế của hoàng triều Huế tế thờ Phụ, Tổ, Tằng Tổ và Cao Tổ của bản thân họ thì tế thờ ở những nơi nào? Theo những ghi chép lại trong *Đại Nam nhất thống chí*, được biết vào năm 1821, dựng Thế Miếu là nơi thờ các đời vua (Nguyễn), ở phía sau dựng Hưng Miếu(15) để thờ thân phụ của hoàng đế Gia Long (tức Nguyễn Phúc Luân). Liên quan đến Thế Miếu, tài liệu này có mô tả như sau:

"Thế Miếu, nằm ở bên hữu điện Thái Hoà, phía trước Hưng Miếu, mặt xây về hướng Nam; làm năm Minh Mạng thứ 2 (1821). Quy chế Miếu gồm: Chính doanh 9 gian, Tiền doanh 11 gian, Đông Tây 2 chái; (thiết trí thờ tự kiểu) đồng đường dị thất:

- Ấn chính trung thờ Thế tổ Cao hoàng đế cùng 2 vị Hoàng hậu Thừa Thiên và Thuận Thiên (Thần vị Thuận Thiên hoàng hậu bên phía tây).

- Ấn tả nhất thờ Thánh tổ Nhân hoàng đế và hoàng hậu.

- Ấn hữu nhất thờ Hiến Tổ Chương hoàng đế và hoàng hậu.

- Ấn tả nhị thờ Dực Tông Anh hoàng đế và hoàng hậu.

- Ấn hữu nhị thờ Giản Tông Nghị hoàng đế.

- Ấn tả tam thờ Cảnh Tông Thuận hoàng đế.

"Mỗi năm có 5 lần hưởng kỵ, như ở Thái miếu. Hai phía đông và tây của miếu đều có xây phương đường, phía đông có điện Canh Y (nay đã phá bỏ), phía tây có nhà thờ Thổ Công. Tường bên trái miếu có cửa Khải Định, bên phải có cửa Sùng Thành, mặt sau bên trái có cửa Hiến Hựu và bên phải có cửa Đốc Hựu.

"Trước sân miếu, ở chính giữa có gác Hiến Lâm, bên trái và bên phải của gác có tường ngăn, bên trái có cửa Tuấn Liệt, phía trên có lầu chuông, bên phải có cửa Sùng Công (xưa là cửa Phong Công, năm Thiệu Trị nguyên niên (1841), cho đổi tên), phía trên có lầu trống. Bên ngoài gác Hiến Lâm, bên tả có nhà Tả Vu, bên hữu có nhà Hữu Vu, đều là nơi tòng tự các thân huân công thân thời Trung hưng. Giữa tường miếu phía Nam là cửa Thế Miếu (Miếu Môn). Hai bên Đông Tây trước sân miếu đặt một đôi kỳ lân (bằng đồng mạ vàng), đặt trong thiết đình.

"Ở giữa sân Miếu là 9 cái đỉnh bằng đồng (xung quanh thân chạm nổi hàng trăm hình tượng, như mặt trời, mặt trăng, núi, sông, hoa cỏ, các giống động thực vật và đồ binh khí). Chính giữa là Cao đỉnh, bên trái thứ nhất là Nhân đỉnh, bên phải thứ nhất là Chương đỉnh, bên trái thứ hai là Anh đỉnh, bên phải thứ hai là Nghị đỉnh, bên phải thứ ba là Thuận đỉnh, bên trái thứ ba là Tuyên đỉnh, bên trái thứ tư là Dục đỉnh và bên phải thứ tư là Huyền đỉnh, đều được đúc từ năm Minh Mạng thứ 17(16) (1836)\*".

Với sự ghi chép về Thế Miếu một cách rõ ràng như



trên thì có thể hiểu rằng: Thế Miếu là miếu thờ Hoàng đế Gia Long cùng bài vị của các vị hoàng đế và hoàng hậu triều Nguyễn sau khi ở ngôi, chính vì vậy mà miếu được xây ở phía trước bên phải của điện Thái Hoà và phía trước của Hưng Miếu. Quan sát sơ đồ ta có thể thấy Thế Miếu cùng Hưng Miếu lập thành một cặp đối xứng với 2 miếu Triệu Miếu

và Thái Miếu qua tâm điểm là điện Thái Hoà.

Nói một cách khác đi, thì cách phối trí này tương tự như cách phối trí của khu vực Xã Tắc đàn thời Kim Trung Đô và thành Bắc Kinh thời Minh Thanh của Trung Quốc.

Triệu Miếu, Thái Miếu, Thế Miếu, Hưng Miếu là những linh miếu thờ cúng tổ tiên được bố trí tại các vị trí

2 bên trái phải phía trước của Tử Cấm Thành và Điện Thái Hoà, nơi được dùng để cử hành đại triều. Cách phối trí này ở trong quy hoạch đô thành của Trung Quốc hoàn toàn không thấy. Vì vậy có thể nói, Hoàng thành Huế Việt Nam có cách phối trí đặc trưng, thể hiện việc coi trọng thờ cúng tổ tiên.

(còn nữa)

Chú thích	hoạch đồ thị thời thực dân tại Hà Nội, Việt Nam. Luận văn thạc sĩ khoa học	tích ước độ 24km2. Còn tại Huế, toàn bộ chu vi tường Kinh sư thành là
1- Cao Xuân Dục toàn tu, <i>Đại Nam nhất thống chí</i> , Duy Tân năm thứ 3; Tùng Bồn Tín Quảng sửa chữa bổ sung. Đông Kinh, Ấn Độ - Chi Na nghiên cứu hội Chiêu - Hoà năm thứ 16.	Nghiên cứu kiến trúc truyền thống, Đại học công lập Tokyo, 1994, trang 18.	10,447km, bởi hình gần như vuông nên tạm tính mỗi cạnh khoảng 2,6km, tính ra tổng diện tích là 6,8km2. Nếu so sánh về quy mô thì Nguyên Đại Đô, thành Bắc Kinh, Bình Thành Kinh, Bình An Kinh sẽ lớn hơn Kinh thành Huế lần lượt là 7,2 lần, 5,2 lần, 2,9 lần và 3,5 lần. Qua đó có thể thấy quy mô thành cổ Huế rất nhỏ.
2- Liên quan đến Mã diện, xin tham khảo thêm nghiên cứu của Điện Trung Đạm trong công trình <i>Mặc Tử - thành thủ chư biên chi trúc thành công trình, in trong Trung Quốc cổ đại khoa học sử luận</i> . Kinh Đô, Kinh đô đại học nhân văn khoa học nghiên cứu số, 1988, trang 395-448. Và xem thêm các lập luận của Tiêu Mặc trong <i>Đôn Hoàng kiến trúc nghiên cứu</i> . Bắc Kinh văn vật xuất bản xã, tháng 10-1989, trang 140-146.	7- Đơn vị đo lường thời Thanh thì 1 tượng bằng 3,2m. Nhưng theo Trung Xuyên Vũ (Nakagawa Takeshi) và Trung Trạch Tín Nhất Lang (Nakazawa Shinichiro), căn cứ vào các kết quả phân tích trong <i>Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ</i> và đo đạc khảo sát trên thực tế, thì 1 tượng Việt Nam bằng 4,2m.	Nếu chỉ tính Hoàng Thành, Nguyên Đại Đô có Hoàng thành với chu vi là 20 dặm (tính ra là 11.059m); căn cứ vào bản đồ phục nguyên có thể tính chiều đông tây là 3,072km, chiều bắc nam là 2,458 km, diện tích ước độ 7,6km2. Hoàng thành của Bắc Kinh, chiều đông tây là 2,5km, chiều bắc nam là 2,75km, diện tích ước độ 6,9km2. Còn Hoàng thành của Huế, chiều đông tây là 653m, chiều bắc nam là 634m, diện tích chỉ là 0,41km2. Như vậy, Hoàng thành của nguyên Đại Đô và thành Bắc Kinh lớn hơn Hoàng thành Huế lần lượt là 18,5 lần và 16,8 lần. Ta cũng có thể thấy, Hoàng thành của Nguyên Đại Đô và thành Bắc Kinh có quy mô tương đương với Kinh thành Huế
3- Điện Trung Đạm, <i>Mặc Tử thành thủ chư biên chi trúc thành công trình</i> , in trong <i>Trung Quốc cổ đại khoa học sử luận</i> . Kinh Đô, Kinh đô đại học nhân văn khoa học nghiên cứu số, 1988,	8- Có lẽ tác giả nhầm, đúng ra là Bắc Hoà chứ không phải là Bắc Như (P.T.H)	Do số 4, có âm đọc là TƯ (âm hiện đại là Sĩ) gần với âm đọc của chữ TƯ (âm hiện đại là Sĩ - nghĩa là chết) nên người Trung Quốc rất kỵ con số này (P.T.H).
4-Tiêu Mặc, <i>Đôn Hoàng kiến trúc nghiên cứu</i> , Bắc Kinh văn vật xuất bản xã, tháng 10-1989.	9- Hình thức tường thành quân sự Vauban là một kiểu thiết kế, quy hoạch tường thành đô thị rất nổi tiếng của Sébastien Vauban. Sinh thời ông là tác giả của nhiều công trình lý luận về việc xây dựng các thành trì quân sự. Các tác phẩm nổi tiếng có: <i>Luận về nghệ thuật công thành và phòng vệ, Luận về kiến trúc thành v.v...</i> Hệ thống lý luận về thành trì quân sự của ông có ảnh hưởng suốt hơn một thế kỷ trong học giới quân sự Châu Âu. Nhưng tại Đài Loan, hầu như không có tác phẩm của ông nên rất khó lý giải cận kề về kiểu thành này.	12- Cao Xuân Dục, tài liệu đã dẫn, trang 60-62
5- Ở đây, việc sử dụng thuật ngữ thành kiểu Vauban để chỉ kiểu tường thành có kỹ sư quân sự nổi tiếng người Pháp Sébastien Vauban sáng tạo ra, là một cách dùng rất phổ biến trong các học giả Việt Nam hiện nay. Nhưng từ các tài liệu về thành Huế và thành Hà Nội có thể thấy rằng, loại thành Vauban là loại thành xây hình sao với các lăng bảo. Còn loại thành mà Wolfgang Braunfels mô tả mà chúng tôi dẫn trong bài là bao gồm cả loại thành có kiểu quy hoạch theo hình thức Vauban tại các đô thị từ thời - Ba Lô Khắc, gọi chung là thành - lăng bảo hình sao Ba Lô Khắc chứ không gọi là thành Vauban. Vì vậy trong bài chúng tôi sử dụng thuật ngữ chung là kiểu thành có tường hình lăng bảo.	10- Wolfgang Braunfels biên soạn, Nhật Cao Kiên Nhất Lang chú giải, <i>Lịch sử và các loại hình đô thị phương Tây</i> . Chấp Thiện Chu Thức Hội Xã, Bình thành năm thứ 2 (1990), trang 147-148.	13- Trung Xuyên Vũ, tài liệu đã dẫn, trang 64.
6- Đại Điện Tĩnh Nhất, <i>Kiến trúc và quy</i>	11- Xét về quy mô vòng tường thành thì thành Khai Phong thời Tống và thành Đại Đô thời Nguyên có quy mô tương đương. Ngoại thành của Nguyên Đại Đô, chiều đông tây dài 6.635m, chiều nam bắc dài 7.400m; diện tích ước độ 49km2. Thành Bắc Kinh, nếu tính chiều đông tây của Nội thành, dài 6.650m, chiều bắc nam dài 5.350m, diện tích ước tính là 35,6 km2. Ở Nhật Bản, Bình Thành Kinh có chiều đông tây là 4,2km, chiều bắc nam là 4,7km, diện tích ước độ 20km2; Bình An Kinh có chiều đông tây là 5,3km, chiều bắc nam là 4,5, diện	14- Chữ THIÊN, tức chỗ đất được quét sạch để làm tế cúng.